

**TỔNG CÔNG TY CPXD ĐIỆN VIỆT NAM
CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO4**

-----***-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2016

Nghệ An, ngày 19 tháng 03 năm 2017

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155 /2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Năm 2016

I-Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
- Giấy đăng ký kinh doanh số 2703000185 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:2900574674 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp thay đổi lần 7 ngày 11 tháng 01 năm 2016
- Vốn điều lệ: 10.280.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:10.280.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 197-Nguyễn Trường Tộ - P. Đông Vĩnh - T.P Vinh-Nghệ An
- Số điện thoại: (0238) 353 1065
- Số fax: (0238) 385 3433
- Website: vneco4.com.vn
- Mã cổ phiếu: VE4

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 tiền thân là Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam) được thành lập từ năm 1989.

- Năm 2003, thực hiện chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Xí nghiệp Cơ điện được chuyển thành Công ty CP xây lắp điện 3.4 theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp là công ty thành viên thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam).

- Năm 2006, Công ty cổ phần xây lắp điện 3.4 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4.

- ❖ Hiện nay Công ty có biên chế đầy đủ các phòng, ban nghiệp vụ quản lý, các đội xây lắp điện, xưởng sản xuất công nghiệp và đội xe máy thi công. Công ty đã tuyển dụng và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có nhiều kinh nghiệm trong nghề xây lắp các công trình tải điện trên không có cấp điện áp đến 500kV và xây lắp các trạm biến áp có cấp điện áp đến 220kV. Công ty đã và đang tham gia thi công xây lắp các công trình ĐD 500kV đấu nối nhà máy nhiệt điện Thăng Long, ĐD 500/220kV Hiệp Hòa-Đông Anh - Bắc Ninh 2; , ĐD 500kV Vĩnh Tân – rẽ Sông Mây – tân Uyên, Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Vinh; ĐD220kV Nhiệt điện Thái Bình –Trạm 220kV Thái Bình và mở rộng ngăn lộ tại Trạm 220 kV Thái Bình;

ĐD 220kV Hòa Bình – Tây Hà Nội, Gói thầu 38,39, 46 ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Formosa thuộc nguồn vốn sửa chữa lớn 2016 của Công ty truyền tải điện 1 và nhiều công trình điện trọng điểm khác trên mọi miền đất nước.

- ❖ - Năm 2008, từ vốn điều lệ ban đầu là 5,15 tỷ đồng, Công ty đã nâng lên trên 8,2 tỷ đồng và hiện nay vốn điều lệ là 10,28 tỷ đồng. Sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục tăng trưởng qua từng năm; sản lượng, doanh thu hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước.

Mặc dầu có sự cạnh tranh hết sức quyết liệt trên thị trường xây lắp điện, tuy nhiên Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 hoàn toàn có đủ năng lực và kinh nghiệm thi công để tham gia các công trình, dự án điện có cấp điện áp đến 500 kV và thực tế đã chứng minh được thương hiệu của mình trên thị trường xây dựng điện và đã được các Ban quản lý dự án các công trình điện và Tập đoàn điện lực Việt Nam đánh giá cao.

- Năm 2012, Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 352/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội .

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Lắp đặt hệ thống điện;

+ Bán buôn vật liệu; Thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

+ Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Hoàn thiện công trình xây dựng;

+ Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

+ Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;

+ Gia công cơ khí;

- Địa bàn kinh doanh: các địa phương trên cả nước, nhưng các năm qua hoạt động chủ yếu ở

các tỉnh:

+ Tỉnh Nghệ An;

+ Tỉnh Hà Tĩnh;

+ Tỉnh Quảng Ninh;

+ Tỉnh Thái Bình;

+ Tỉnh Hà Giang;

+ Tỉnh Sơn La;

+ Tỉnh Lai Châu;

+ Tỉnh Bình Thuận

+ Hà Nội

+Đà Nẵng

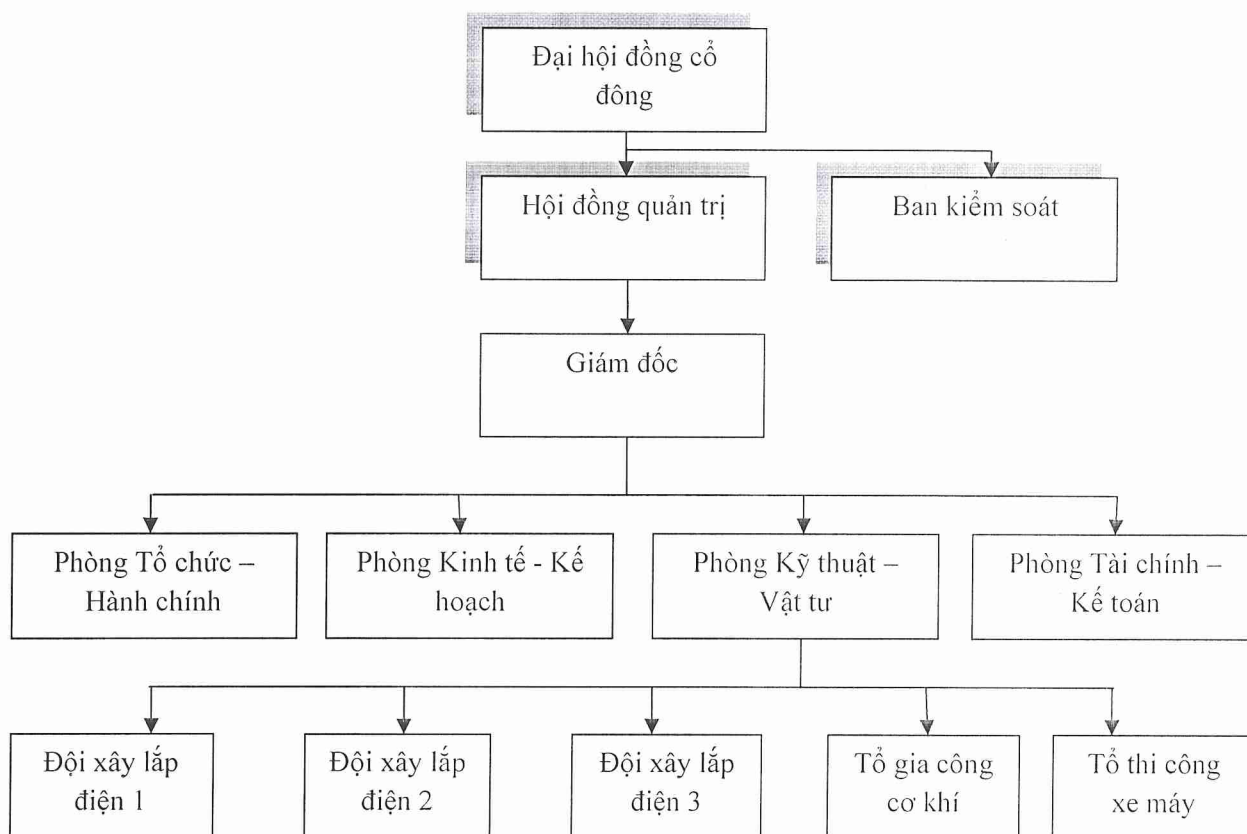
+ Cao Bằng

- +PlayKu
- +ĐakLac
- + Bắc cạn...v....v....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



3.1-Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát...

3.2-Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra bao gồm 5 thành viên:

- Ông Trần Văn Huy Chủ tịch
- Ông Nguyễn Thế Hùng Ủy viên
- Ông Phan Huy Thành Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Bốn Ủy viên
- Ông Nguyễn Thế Tam Ủy viên

3.3-Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và Phó Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có trách nhiệm triển khai các chương trình hành động và các nghị quyết của HĐQT trong năm kế hoạch, đồng thời điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Thế Hùng - Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bốn - Phó Giám đốc

3.4-Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Công ty theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Huy Toàn -Trưởng ban kiểm soát (từ nhiệm ngày 23/8/2016)
Ông Nguyễn Năng Đồng -Ủy viên
Bà Lê Thị Dung - Ủy viên (Trưởng ban kiểm soát từ ngày 23/08/2016)

3.5-Các Phòng chức năng

*** Phòng Kinh tế - Kế Hoạch**

Phòng Kinh tế - Kế hoạch là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về các lĩnh vực công tác kế hoạch sản xuất - kinh doanh, tìm kiếm việc làm, công tác thị trường đầu thầu; thanh, quyết toán công trình; thống kê báo cáo theo quy định hiện hành; đền bù giải phóng mặt bằng trong thi công; quản lý kỹ thuật, kỹ thuật an toàn thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp; quản lý vật tư, xe máy và dụng cụ thi công ... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh chung của Công ty... và các công tác khác có liên quan.

*** Phòng Kỹ thuật - vật tư:**

Phòng Kỹ thuật - Vật tư là phòng chuyên môn tham mưu cho giám đốc về các lĩnh vực hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng trong thi công; quản lý kỹ thuật, kỹ thuật an toàn thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp; quản lý vật tư, xe máy và dụng cụ thi công ... và các công tác khác có liên quan.

*** Phòng tổ chức-hành chính:**

Phòng tổ chức - hành chính là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách, BHXH, hành chính quản trị văn phòng, thanh tra bảo vệ, an ninh quốc phòng, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật và có các nhiệm vụ chủ yếu:

Chủ trì xây dựng phương án tổ chức bộ máy sản xuất - kinh doanh, bố trí nhân sự; quản lý hồ sơ, lý lịch, giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, chế độ hưu trí; kế hoạch chương trình đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề; xây dựng quy chế phân phối quỹ lương và trả lương, quy chế khen thưởng, quy chế tuyển dụng, quy chế phân cấp, nội quy lao động; quản lý lao động, tiền lương của người lao động; công tác BHXH, BHYT, BHTN, BHTT; công tác quản trị văn phòng; công tác thanh tra bảo vệ. ... và các công tác khác có liên quan.

*** Phòng Tài chính - Kế toán:**

Phòng tài chính kế toán là phòng chuyên môn đầu mối giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực tài chính kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: quản lý, theo dõi và kiểm tra về thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án, các công trình mà Công ty thi công, đề

xuất phương án huy động vốn, tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích hoạt động tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, trích lập các quỹ ... và các công tác khác có liên quan

*** Các đội xây lắp điện, xây dựng:**

Là thành viên của Công ty chuyên xây dựng, lắp đặt các công trình điện do Công ty giao có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo tiến độ công trình, chất lượng và hiệu quả.

*** Xưởng cơ khí:**

Là thành viên của Công ty chuyên gia công, chế tạo các kết cấu thép, chế tạo, sửa chữa dụng cụ thi công, một số phụ kiện điện phục vụ thi công các công trình điện có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

*** Tổ quản lý xe máy:**

Là thành viên của Công ty chuyên chở dụng cụ thi công, phụ kiện, vật liệu theo yêu cầu kế hoạch và thực tế. Nhiệm vụ được Công ty giao nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

4. Định hướng phát triển;

4.1- Mục tiêu chung của Công ty:

+ Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2016, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế quản lý của Công ty phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới.

+ Duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống về xây lắp đường dây và trạm. Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trên lĩnh vực này.

4.2- Phương hướng thực hiện:

+ Tập trung chỉ đạo điều hành SXKD, đặc biệt chỉ đạo thi công hoàn thành tiến độ và đảm bảo chất lượng các công trình năm trước thi công dở dang chuyển sang năm sau đồng thời triển khai thi công các công trình mới.

+ Đào tạo tuyển dụng lực lượng kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân có đủ trình độ, tâm huyết gắn bó với Công ty. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng với các cá nhân có trình độ, nhiệt huyết. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cống hiến một cách tốt nhất.

+ Đầu tư thêm một số trang thiết bị chuyên ngành nhằm đảm bảo chủ động trong sản xuất, thi công, phục vụ kinh doanh có hiệu quả, năng suất, chất lượng.

+ Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để huy động nguồn vốn đáp ứng đủ cho sản xuất kinh doanh. Tích cực thu hồi vốn khi có khối lượng hoàn thành.

5. Các rủi ro:

*** Rủi ro về kinh tế :**

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất....sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Công ty xây lắp điện VNECO4 cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

*** Rủi ro từ biến động lãi suất**

Trong giai đoạn vừa qua, lãi suất đã có nhiều biến động với nhiều thay đổi của chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi này trong chừng mực nào đó đều có những ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp, đặc biệt về khía cạnh tài chính với

nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh được vay ngân hàng. Điều này sẽ dẫn tới việc tăng lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp nói chung và tăng chi phí tài chính đầu vào cho Công ty nói riêng.

** Rủi ro từ biến động tỷ giá*

Với những đặc thù của ngành xây dựng nói chung và ngành xây lắp điện nói riêng, Công ty không thực hiện nhiều các giao dịch thương mại quốc tế, vì thế những biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng lớn mang tính chi phối đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với những hợp đồng nhập khẩu một số nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, những biến động tỷ giá của Việt nam đồng cũng sẽ có những ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của Công ty.

** Rủi ro thanh toán*

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thông nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.

** Rủi ro về nguồn nhân lực*

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Công ty. Tuy nhiên lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

** Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu*

Vật liệu xây dựng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí xây dựng các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Công ty.

** Rủi ro bất khả kháng :*

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

II- Tình hình hoạt động trong năm:

1-Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016: (Số liệu đã được kiểm toán)

-Doanh thu : 39.648.866.191 đồng,

-Lợi nhuận sau thuế: 2.893.931.345 đồng, *(Chi tiết xem Báo cáo kết quả SXKD -phụ lục Mẫu B 02-DN kèm theo)*

1.2-Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (Số liệu đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	So sánh thực hiện/KH năm (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Tổng giá trị sản lượng	Tr. đ	130.000	112.135	86,26
2	Doanh thu	Tr. đ	46.220	39.648	85,78
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	2.940	2.894	98,43

1. Tổ chức và nhân sự của Công ty

Danh sách Ban Giám đốc:

1.1. Giám đốc: Ông Nguyễn Thế Hùng

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 27 tháng 9 năm 1967

Nơi sinh : xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Số CMND : 181562590 cấp ngày 08/02/2006, tại tỉnh Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ thường trú : Số 36, Trần Quang Diệu, Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ an.

Điện thoại liên lạc : 0912435090/091 7681189 Email: thehungvneco2@yahoo.com.vn

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học Tài chính – Kế toán – Hà Nội;

Quá trình công tác:

Từ 01/1990 – 11/1998; Cán bộ kế toán – Công ty Xây lắp điện Nghệ An;

Từ 12/1998 – 06/2003; phó phòng kế toán Công ty Xây lắp điện Nghệ An;

Từ 07/2003 - 12/2004; phó phòng phụ trách phòng Kế toán Công ty Xây lắp điện Nghệ An;

Từ 01/2005 - 12/2008; Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch Bloock Vinh;

Từ 01/2009 - 05/9//2010 Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch Bloock Vinh;

Từ 10/2010 - 5/2013 Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch Bloock Vinh;

Từ 5/2013 - 11/8/2015 Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, Giám đốc nhà máy gạch Bloock Vinh;

Từ 12/8/2015 - 05/01/2016; Thành viên HĐQT phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4

Từ 06/01/2016 đến nay Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Tổng số cổ phần nắm giữ: 259.211 cổ phần (Chiếm 25.21% vốn điều lệ thực góp)

Trong đó

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.000 cổ phần (Chiếm 0.48% vốn điều lệ thực góp)

Số cổ phần Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam uỷ quyền: 254.211 cổ phần (Chiếm 24.73% vốn điều lệ thực góp)

1.2. Phó giám đốc: Ông Nguyễn Văn Bốn

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 06-07-1958
Nơi sinh : Mỹ Thịnh - Hưng Mỹ - Hưng Nguyên - Nghệ An
Số CMND : 181330570 cấp ngày 04/06/2009 tại tỉnh Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Hưng Mỹ - Huyện Hưng Nguyên - Nghệ An
Địa chỉ thường trú : Phường Đông Vĩnh - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
Điện thoại liên lạc : 0913275058
Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng sư phạm kỹ thuật.

Quá trình công tác:

Từ năm 1982 đến 1986: Đi thực tập sinh tại Tiệp Khắc.

Từ tháng 11/1987 đến tháng 4/2008: Công tác tại Xí nghiệp cơ điện (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4) với các chức vụ lần lượt là: Công nhân, Quản đốc phân xưởng, Phó phòng, Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư .

Từ tháng 05/2008 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 - Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty

Tổng số cổ phần nắm giữ: 7.546 cổ phần (Chiếm 0,73% vốn điều lệ thực góp)

Trong đó:

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 7.546 cổ phần (Chiếm 0,73% vốn điều lệ thực góp)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Các thành viên quản lý khác:

1.3.-Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Thế Tam

Giới tính : Nam
Ngàysinh : 25-11-1961
Nơi sinh : Xã Thanh Tường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An
Số CMND : 186581332 cấp ngày 17/03/2005 tại tỉnh Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Thanh Tường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú : Khối 6 - Phường Trường Thi - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
Điện thoại liên lạc : 0383.853934/0912480398
Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học Tài chính – Kế toán – Hà Nội;

Quá trình công tác :

Từ tháng 02/1984 đến tháng 02/1987: Nhập ngũ vào quân đội.

Tháng 07/1987 đến tháng 07/1991: Sinh viên Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.

Từ tháng 12/1991 đến tháng 3/2010: Công tác tại Công ty xây dựng thủy lợi 24 qua các chức vụ: cán bộ, Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Kế toán trưởng.

Từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2010: Thành viên ban kiểm soát - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 24.

Từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010: Phó trưởng phòng, Phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Từ tháng 07/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Trong đó:

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2016 Công ty có nâng cấp thay thế động cơ máy tời 5 tấn: 39.800.000 đồng;

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng giảm % năm sau so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	37.519.894.627	46.735.648.110	24,56
Doanh thu thuần	29.488.948.498	39.648.866.191	34,45
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.618.224.095	902.403.776	-65,53
Lợi nhuận khác	525.001.847	2.686.849.825	411,77
Lợi nhuận trước thuế	3.143.225.942	3.589.253.601	14,19
Chi phí thuế TNDN hiện hành	845.669.316	695.322.256	-17,77
Lợi nhuận sau thuế	2.297.556.626	2.893.931.345	25,95
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	16	15	-6,2

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,356	1,449	
- tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho nợ ngắn hạn	4,022	3,022	
2-Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,63	0,56	
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,74	1,30	
3-Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,85	0,79	
4-Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,073	0,078	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,17	0,14	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,06	0,06	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,02	0,09	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành:

31/12/2016 - tổng số cổ phần : 1.028.000

Trong đó:

+ Cổ phần phổ thông: 1.028.000

+ Cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.028.000

+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

-Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

- Cơ cấu cổ đông:

Bảng: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2016

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trong nước	189	1.001.500	10.015.000.000	97,71
a.	Tổ chức	3	569.551	5.695.510.000	55,68
*	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	1	9	90.000	
*	Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam	1	562.602	5.626.020.000	54,93
	Công ty cổ phần quản lý vốn đầu tư Việt Nhân	1	6.900	69.000.000	0,75
b.	Cá nhân	186	431.949	4.319.490.000	42,03
*	Trong Công ty	32	96.139	961.390.000	9,36
*	Ngoài Công ty	154	335.810	3.358.100.000	32,67
2	Tổ chức Nước ngoài	2	26.500	26.500.000	2,29
*	Amerca LLC	1	23.200	232.000.000	2,26

*	KTZMICOSECURITIES COMPANYLIMITETD	1	3.300	33.000.000	0,03
Tổng cộng		191	1.028.000	10.280.000.000	100

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1-Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD nhưng vẫn đảm bảo mức thu nhập của CBCNV và người lao động vẫn duy trì được ở mức khá, tuy chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, đảm bảo được việc làm thường xuyên cho người lao động. Cụ thể: sản lượng đạt 86.26% chỉ tiêu kế hoạch. Tuy nhiên, chỉ tiêu doanh thu chỉ đạt 39.648 tỷ đồng = 85.78% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 2.894 tỷ đồng bằng 98.43 % chỉ tiêu kế hoạch.

Năm 2016 sản lượng chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, do yếu tố khách quan đó là: một số công trình có vướng mắc về đền bù đất, vật tư A cấp chưa kịp thời và không đồng bộ nên chưa đủ điều kiện để nghiệm thu.

2- Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm		Tỷ Trọng %		Chênh lệch	
	2015	2016	2015	2016	Giá trị	%
TÀI SẢN						
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	30.217	40.234	80,54	86.09	10.017	33,15
I. Tiền	129	174	0,34	0,37	45	34,88
II. Các khoản đầu tư TCNH	1.176	939	3,13	2,01	-237	-20,15
III. Các khoản phải thu NH	27.162	26.849	72,39	57,45	-313	-1,15
IV. Hàng tồn kho	1.691	12.231	4,51	26,17	10.540	623,3
V. Tài sản ngắn hạn khác	59	41	0,16	0,09	-18	-30,51
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	7.303	6.501	19,46	13,91	-802	-10,98
I. Tài sản cố định	4.320	3.631	11,51	7,77	-689	-15,95
II. Bất động sản đầu tư						

III. Các khoản đầu tư TCDH	2.500	2.500	6,66	5,35	0	
V. Tài sản dài hạn khác	483	370	1,29	0,79	-113	-23,4
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	37.520	46.735	100	100	9.215	24,56
NGUỒN VỐN						
A. NỢ PHẢI TRẢ	21.202	29.656	56,51	63,45	8.454	39,87
I. Nợ ngắn hạn	20.843	29.656	55,55	63,45	8.813	42,28
II. Nợ dài hạn	359	0	0,96		-359	-100
B. NGUỒN VỐN CSH	16.318	17.080	43,49	36,55	762	4,67
I. Vốn chủ sở hữu	16.318	17.080	43,49	36,55	762	4,67
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi						
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	37.520	46.735	100	100	9.216	24,56

Thông qua bảng phân tích tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trên ta có thể tách riêng ra để xem xét sự biến động của tài sản trên các khoản mục.

Tổng tài sản của công ty trong năm 2016 tăng lên 9.215 tỷ đồng so với năm 2015, tức đã tăng lên 24,56%. Để hiểu rõ hơn về sự thay đổi này chúng ta cần xem xét sự biến động của các khoản mục chính trong tài sản như sau:

Vào thời điểm năm 2016 tài sản ngắn hạn có giá trị là: 40.234 tỷ đồng năm 2015 là 30.217 tỷ đồng. Vây tài sản ngắn hạn của công ty đã tăng lên so với năm 2015. Điều này là do ảnh hưởng của các nguyên nhân sau:

Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2016 là 26,849 tỷ đồng so với năm 2015 là 27,162 tỷ đồng đã giảm xuống là 313 triệu đồng tương đương giảm 1,15%, chi tiết ở đây là các khoản phải thu khách hàng. Đây là điều thể hiện việc thanh toán với các chủ đầu tư đã có xu hướng tốt. Công ty cần phải thực hiện tốt hơn nữa công tác thu hồi công nợ ở một số chủ đầu tư, giảm ứ đọng vốn để tăng vòng quay vốn phục vụ SXKD có hiệu quả hơn.

Hàng tồn kho bao gồm: công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong tổng giá trị hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chiếm tỷ trọng lớn (10,806 tỷ đồng). Đây là kết quả tăng của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Năm 2016 trên cơ sở sản lượng thực hiện được Công ty tích cực nghiệm thu khối lượng, Tuy nhiên trong năm 2016 giá trị dở dang còn lớn là: 12,231 tỷ đồng; năm 2015 giá trị dở dang là: 1,691 tỷ đồng, năm 2016 cao hơn năm 2015 là 10,540 tỷ đồng. Ngoài giá trị dở dang năm 2016 cao hơn năm 2015 còn phải đánh giá đến việc sử dụng nguyên liệu, vật liệu chưa hiệu quả, cung ứng chưa sát với nhu cầu sản xuất còn tồn kho lớn và được thể hiện: Năm 2016 tồn kho nguyên liệu, vật liệu 1,405 tỷ đồng, trong khi đó năm 2015 tồn kho nguyên liệu, vật liệu chỉ 0,606 tỷ đồng; năm 2016 tồn kho tăng so với năm 2015 tăng 0,799 tỷ đồng (1,405-0,606).

Qua phân tích phần tài sản ngắn hạn cho thấy rằng: để đạt được hiệu quả sản xuất và lợi nhuận cao nhất cho công ty thì Công ty phải tích cực giảm bớt chi phí hàng tồn kho, tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ, tích cực nghiệm thu khối lượng hoàn thành; Nguyên vật liệu và CCDC cần cung cấp phù hợp cho việc SXKD tránh để tồn kho lớn;

Tình hình nợ phải trả:

Trong năm 2016 đã tăng 8,454 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng là 39,87% so với năm 2015, với tỷ trọng trong tổng nguồn vốn là 63,45%, tức so với năm 2015 tăng 6,84% (63,45-56,61). Điều này

cho thấy trong hoạt động SXKD công ty hầu như không chiếm dụng vốn của đối tác. Để đi sâu tìm hiểu chúng ta cần phân tích nguồn gốc của sự biến động

Theo công thức trên ta có được nguồn vốn tín dụng của công ty năm 2016 là 5,926 tỷ đồng so với năm 2015 là 6,917 tỷ đồng (6,329 tỷ + 0,283 Tỷ + 0,359 tỷ). Với việc mở rộng sản xuất, thi công một số công trình trúng thầu và công trình đang dở dang như: ĐZ 500kV Pleiku2; ĐZ 220kV Xekaman1-PleiKu2, ĐZ 500 kV Hiệp Hòa-Đông Anh-Bắc Ninh 2 , ĐZ 500 kV ĐNNMND Thăng Long, ĐZ 220 kV Thái Bình-Tiền Hải –Trực Ninh gói thầu 38, 39, 46 thuộc nguồn vốn sửa chữa lớn 2016 của Công ty truyền tải điện 1; ĐZ 220kV Vũng Áng –Ba Đồn – Đồng Hới; ĐZ 220kV Hòa Bình – Tây Hà Nội, ĐZ 220 kV Dốc Sỏi – Đà Nẵng, ĐZ 220kV Hóc Môn, rẽ Bình Tân, ĐZ 220kV Phan Thiết- Phú Mỹ 2, .v..v.. công ty không đáp ứng được vốn tự có để phục vụ sản xuất nên việc vay vốn là tất yếu vì nó giúp cho công ty có đủ nguồn vốn cho việc mua nguyên vật liệu, trả các chi phí khác để đảm bảo đúng tiến độ thi công các công trình. Tuy nhiên, khả năng xoay vòng vốn của Công ty rất tích cực và khả quan.

1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Về cơ cấu tổ chức: căn cứ tình hình và yêu cầu SXKD, trong các năm qua đã thành lập các Ban chỉ đạo thi công các công trình điện như ĐZ 500kV Pleiku2; ĐZ 220kV Xekaman1-PleiKu2, gói thầu 38, 39, 46 thuộc nguồn vốn sửa chữa lớn 2016 của Công ty truyền tải điện 1; ĐZ 220kV Vũng Áng –Ba Đồn – Đồng Hới; ĐZ 220kV Hòa Bình – Tây Hà Nội. ĐZ 220 kV Dốc Sỏi – Đà Nẵng, ĐZ 220kV Hóc Môn, rẽ Bình Tân, ĐZ 220kV Phan Thiết- Phú Mỹ 2, .v..v..để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, tổ chức, triển khai thi công các công trình xây dựng

+ Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý.

+ Coi trọng chính sách khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình bằng các hình thức tiền thưởng, ăn ca

+Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho bộ phận quản lý, không ngừng nâng cao đào tạo tay nghề cho người lao động, tổ chức thi nâng bậc cho người lao động và nâng bậc lương cho CBCNV kịp thời.

2. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tiếp tục phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giải quyết đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động, có lợi nhuận. Trước mắt hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2016. Cụ thể theo bảng sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	KH năm 2016	TH năm 2016	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4	7
1	Giá trị sản lượng	Tr.đ	130.000	112.135	86,26	
2	Doanh thu	Tr. đ	46.220	39.648	85,78	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.940	2.894	98,43	

IV-Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2016, tuy nền kinh tế nước ta vẫn gặp nhiều khó khăn, trong đó có ngành xây dựng nhưng Công ty CP xây dựng điện VNECO4 vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, giải quyết có đầy đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc đã có rất nhiều cố gắng trong hoạt động quản lý điều hành, thực hiện tốt vai trò chức năng của mình để lãnh đạo công ty hoàn thành các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

- Tích cực tìm kiếm việc làm để đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, bảo đảm doanh thu và lợi nhuận.

V- Quản trị công ty:

1- Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết) và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Trần Văn Huy <i>Trong đó: +CP được ủy quyền</i> <i>+ CP cá nhân</i>	Chủ tịch HĐQT	308.391	30,00	Không quản lý điều hành trực tiếp
			308.391	30,00	
			0	0	
2	Nguyễn Thế Hùng <i>Trong đó: +CP được ủy quyền</i> <i>+ CP cá nhân</i>	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty	259.211	25,21	
			254.211	24,73	
			5.000	0,48	
3	Phan Huy Thành	Thành viên HĐQT	24.486	2,38	Không quản lý điều hành trực tiếp
4	Nguyễn Văn Bốn	Thành viên, HĐQT	20.330	1,98	
5	Nguyễn Thế Tam	Thành viên, HĐQT	0	0	

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Trong năm 2016 HĐQT có 05 cuộc họp. Cụ thể như sau:

+ Cuộc họp thứ nhất: Biên bản họp số 01 ngày 06/01/2016 và quyết định 02 QĐ/VNECO4-TCHC bổ nhiệm Giám đốc Công ty.

+ Cuộc họp thứ hai ngày 22/04/2016 với các nội dung sau:

-Bàn và thống nhất nội dung, chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 và thông qua một số nội dung chính trình họp Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch sản xuất năm 2016

- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2015 đã được Kiểm toán

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015

- Thông qua Báo cáo của HĐQT về công tác quản lý kinh doanh năm 2015

- Thống nhất trình ĐHĐCĐ phê chuẩn tổng mức thù lao của HĐQT, Ban KS và thư ký Công ty cả năm 2016.

- Thống nhất trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét BC tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016;

+ Cuộc họp thứ 3: Nghị quyết HĐQT số 01, 02 về việc chấp thuận cho Giám đốc Công ty chào mua công khai cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO4.

+ Cuộc họp thứ 4: Biên bản họp HĐQT số 04/2016 BB/HĐQT-VNECO4 ngày 10/8/2016 Đánh giá kết quả SXKD 6 tháng đầu năm, bàn các biện pháp chỉ đạo để hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD 6 tháng cuối năm 2016 và Nghị quyết 04 NQ/HĐQT-VNECO4 ngày 10/8/2016 về việc tách phòng KHKT – VT và thanh lý CCDC, TSCĐ.

+ Cuộc họp thứ 5: Biên bản họp HĐQT số 05/2016/HĐQT – VNECO4 ngày 25/08/2016 và Nghị quyết 05 NQ/HĐQT – VNECO4 về việc chấp thuận đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Huy Toàn - Trưởng Ban kiểm soát.

c)Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị có 02 thành viên độc lập không điều hành trực tiếp là ông Trần Văn Huy- Chủ tịch HĐQT và Ông Phan Huy Thành. Năm qua, ông Trần Văn Huy đã thực hiện tốt quyền và trách nhiệm của một Chủ tịch HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Ông Phan Huy Thành – thành viên HĐQT. Năm qua, đã thực hiện đúng và đủ trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

2-Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Huy Toàn	Trưởng Ban	2.500	0,24	nghi từ 23/8/2016
2	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên	6.820	0,66	
3	Lê Thị Dung	Thành viên	5.600	0,54	

b)Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT, Ban Giám đốc.

- Thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm của Công ty. Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót về kế toán, Báo cáo tài chính.

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm tra trình tự ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của điều lệ Công ty và Pháp luật.

- Đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng và năm, đồng thời kiến nghị với HĐQT Công ty một số giải pháp trong một số lĩnh vực quan trọng.

c) Các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 được tổ chức vào ngày 27/04/2016 đã phê chuẩn mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 là: 180.000.000 đồng/năm,

* Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích, chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
1	Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT			30.000.000	30.000.000
2	Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên HĐQT- kiêm Giám đốc Cty	156.234.823	4.690.000	24.000.000	184.924.823
3	Phan Huy Thành	Ủy viên HĐQT	59.277.851	12.970.000	24.000.000	96.247.851
4	Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên HĐQT- P.Giám đốc	129.251.802	14.460.000	24.000.000	164.711.802
5	Nguyễn Thế Tam	Ủy viên HĐQT- Kế toán trưởng	110.554.787	8.800.000	24.000.000	143.354.787
6	Nguyễn Huy Toàn	Trưởng BKS (từ nhiệm ngày 23/8/2016)	69.130.617	7.080.000	12.000.000	88.210.617
7	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên BKS	76.840.674	7.320.000	12.000.000	96.160.674
8	Lê Thị Dung	Thành viên BKS	61.235.566	6.400.000	14.500.000	81.535.566
	Tổng cộng		662.526.120	58.720.000	164.500.000	885.746.120

* Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Ông Nguyễn Thế Hùng – mua 5.000 cổ phiếu (chiếm 0.48%)

* Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm không phát sinh

* Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm qua HĐQT đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty trên cơ sở Luật pháp Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

3. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày chốt danh sách (ngày 15 tháng 6 năm 2016) để trả cổ tức năm 2015.

Đơn vị tính: VND

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu (cp)	Tỷ lệ % số CP sở hữu	Ghi chú
1	Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên HĐQT-khiêm Giám đốc Cty	5.000	0,48	
3	Phan Huy Thành	Ủy viên HĐQT	24.486	2,38	
4	Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên HĐQT-P.Giám đốc	20.330	1,98	
5	Nguyễn Thế Tam	Ủy viên HĐQT	0	0	
6	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên BKS	6.820	0,66	
7	Lê Thị Dung	Thành viên BKS	5.600	0,54	

VI- Báo cáo tài chính:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 /02 /2016, từ trang 06 đến trang 29 , bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Nghệ An, ngày tháng 03 năm 2017

Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT HN
- Lưu HĐQT VNECO4



Nguyễn Chế Hùng

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	39,648,866,191	29,488,948,498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	39,648,866,191	29,488,948,498
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	33,909,397,993	24,299,658,010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,739,468,198	5,189,290,488
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	214,256,494	277,652,092
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	451,511,304	162,714,375
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		214,092,804	296,307,323
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4,599,809,612	2,686,004,110
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		902,403,776	2,618,224,095
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2,857,141,945	579,032,042
12. Chi phí khác	32	VI.7	170,292,120	54,030,195
13. Lợi nhuận khác	40		2,686,849,825	525,001,847
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,589,253,601	3,143,225,942
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	695,322,256	845,669,316
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,893,931,345	2,297,556,626
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2,342	1,762
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2,342	1,762

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	43,746,551,754	29,453,070,584
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(31,101,112,785)	(14,467,841,776)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8,203,896,632)	(16,041,627,873)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(204,200,005)	(285,895,197)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(457,208,529)	(1,078,141,157)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2,520,865,911	928,185,009
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5,810,283,765)	(1,584,219,120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	490,715,949	(3,076,469,530)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	39,800,000	(638,230,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	123,818,181	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(643,660,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	220,000,000	247,000,000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	214,256,494	268,968,342
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	597,874,675	(765,921,658)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	27,365,184,261	13,170,431,045
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(28,409,888,781)	(7,935,896,250)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(2,570,000,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2,570,000,000)
		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1,044,704,520)	2,664,534,795
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	43,886,104	(1,177,856,393)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	129,742,181	1,307,598,574
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	173,628,285	129,742,181

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40,234,239,338	30,217,586,346
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		173,628,285	129,742,181
1. Tiền	111	V.1	173,628,285	129,742,181
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	939,246,300	1,176,664,800
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1,950,812,606	1,950,812,606
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1,011,566,306)	(774,147,806)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26,849,054,487	27,161,539,166
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22,938,777,239	23,038,856,117
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		198,174,214	53,350,700
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	220,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3,791,382,816	3,805,744,011
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(79,279,782)	(77,231,662)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	120,820,000
IV. Hàng tồn kho	140		12,231,151,722	1,691,079,372
1. Hàng tồn kho	141	V.5	12,231,151,722	1,691,079,372
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41,158,544	58,560,827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		41,158,544	58,560,827
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6,501,408,772	7,302,308,281
I. Tài sản cố định	220		3,631,330,731	4,319,778,335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	3,631,330,731	4,319,778,335
- Nguyên giá	222		10,932,371,293	11,288,875,306
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,301,040,562)	(6,969,096,971)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,500,000,000	2,500,000,000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.7	2,500,000,000	2,500,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		370,078,041	482,529,946
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		370,078,041	482,529,946
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		46,735,648,110	37,519,894,627

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29,655,533,149	21,202,211,837
I. Nợ ngắn hạn	310		29,655,533,149	20,843,211,837
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	11,105,761,770	1,877,359,641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	1,205,459,346	77,728,729
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	855,413,321	1,228,273,741
4. Phải trả người lao động	314		6,187,189,628	4,776,064,287
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	359,901,812	397,808,892
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1,374,849,036	1,760,219,200
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	5,926,830,275	6,612,534,795
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	1,216,855,705	3,046,304,504
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,423,272,256	1,066,918,048
II. Nợ dài hạn	330		-	359,000,000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	-	359,000,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17,080,114,961	16,317,682,790
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	17,080,114,961	16,317,682,790
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10,280,000,000	10,280,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10,280,000,000	10,280,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,787,988,821	3,672,108,065
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		118,194,795	47,959,612
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,893,931,345	2,317,615,113
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	20,058,487
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,893,931,345	2,297,556,626
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46,735,648,110	37,519,894,627